

Số: 569/2021/QĐQT-NHNA

TP.HCM, ngày 20 tháng 10 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH**Ban hành Quy chế công bố thông tin của Ngân hàng TMCP Nam Á****HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NGÂN HÀNG TMCP NAM Á**

Căn cứ Điều lệ Ngân hàng TMCP Nam Á đã được sửa đổi, bổ sung và được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 29/04/2021;

Căn cứ Quy chế về tổ chức, quản lý và điều hành của Ngân hàng TMCP Nam Á ban hành theo Quyết định số 510/2018/QĐQT-NHNA ngày 17/12/2018 của Hội đồng quản trị Ngân hàng Ngân hàng TMCP Nam Á và các Quyết định sửa đổi bổ sung có liên quan;

Căn cứ đề xuất của Phòng Pháp lý và Tuân thủ và ý kiến đồng thuận của Tổng Giám đốc tại Tờ trình số 20A/2021/TTr-NHNA-PLTT ngày 20/10/2021 về việc ban hành Quy chế công bố thông tin của Ngân hàng TMCP Nam Á.

Căn cứ Nghị quyết số 569/2021/NQQT-NHNA ngày 20/10/2021 của Hội đồng quản trị thống nhất việc ban hành Quy chế công bố thông tin của Ngân hàng TMCP Nam Á;

Căn cứ tình hình thực tế tại Ngân hàng TMCP Nam Á,

QUYẾT ĐỊNH:

- Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy chế công bố thông tin của Ngân hàng TMCP Nam Á”.
- Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 20/10/2021 và thay thế Quyết định số 42/2018/QĐQT-NHNA ngày 02/02/2018 của Hội đồng quản trị về việc ban hành Quy chế công bố thông tin của Ngân hàng TMCP Nam Á.
- Điều 3.** Các Ông (Bà) Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc Khối, Giám đốc Khu vực, Văn phòng khu vực, Trưởng Phòng/Ban/Trung tâm Hội sở, Giám đốc các Trung tâm/Chi nhánh/Phòng Giao dịch, Trưởng các Đơn vị trực thuộc Ngân hàng TMCP Nam Á và các cán bộ nhân viên có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 (thực hiện);
- Thành viên HĐQT, BKS (báo cáo);
- CBNV Nam A Bank;
- Lưu: VP HĐQT, P.HCQT, P.PLTT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
TUQ. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



TRẦN NGÔ PHÚC VŨ

QUY CHẾ

CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA NGÂN HÀNG TMCP NAM Á

(Ban hành kèm theo Quyết định số 569/2021/QĐQT-NHNA ngày 20/10/2021
của Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Nam Á)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế công bố thông tin tại Ngân hàng TMCP Nam Á (Nam A Bank) là văn bản do Hội đồng quản trị ban hành nhằm quy định cụ thể việc công bố thông tin của Nam A Bank.

Quy chế này phải được phổ biến đến các cá nhân, bộ phận liên quan và được rà soát hằng năm để kịp thời cập nhật, sửa đổi, bổ sung phù hợp với quy định pháp luật và thực tế hoạt động của Nam A Bank¹.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này áp dụng đối với tất cả các đơn vị trên toàn hệ thống Nam A Bank và nhà đầu tư thuộc Nam A Bank.

Điều 3. Giải thích từ ngữ và các từ viết tắt²

- HDQT:** Hội đồng quản trị.
- BKS:** Ban Kiểm soát.
- TGD:** Tổng Giám đốc.
- UBCKNN:** Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
- SGDCK:** Sở giao dịch chứng khoán.
- NHNN:** Ngân hàng Nhà nước.
- Công ty đại chúng:** là công ty cổ phần thuộc một trong hai trường hợp sau đây:
 - Công ty có vốn điều lệ đã góp từ 30 tỷ đồng trở lên và có tối thiểu là 10% số cổ phiếu có quyền biểu quyết do ít nhất 100 nhà đầu tư không phải là cổ đông lớn nắm giữ;
 - Công ty đã thực hiện chào bán thành công cổ phiếu lần đầu ra công chúng thông qua đăng ký với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước theo quy định tại khoản 1 Điều 16 của Luật Chứng khoán năm 2019.

¹ Điểm e khoản 2 điều 20 Thông tư 41/2016/TT-NHNN.

² Điều 3 Thông tư số 96/2020/TT-BTC, Khoản 45 Điều 4 và Khoản 1 Điều 32 Luật Chứng khoán 2019.

8. **Công ty đại chúng quy mô lớn:** là công ty đại chúng có vốn góp của chủ sở hữu từ 120 tỷ đồng trở lên tại báo cáo tài chính năm gần nhất đã được kiểm toán.
9. **Nhà đầu tư thuộc Nam A Bank** bao gồm:
- a. Nhà đầu tư là người nội bộ của Nam A Bank theo quy định tại khoản 45 Điều 4 Luật Chứng khoán và người có liên quan của người nội bộ.
 - b. Cổ đông lớn, nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% (năm phần trăm) trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Nam A Bank.
 - c. Nhóm nhà đầu tư nước ngoài có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Nam A Bank.
 - d. Cổ đông, nhóm người có liên quan mua vào để sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Nam A Bank.
 - e. Tổ chức, cá nhân thực hiện chào mua công khai cổ phiếu của Nam A Bank.
10. **Người nội bộ của Nam A Bank (Người nội bộ)** là: Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Giám đốc tài chính, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý tương đương do Đại hội đồng cổ đông bầu hoặc Hội đồng quản trị bổ nhiệm; Trưởng Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát, thành viên kiểm toán nội bộ; thư ký công ty, người phụ trách quản trị công ty, người được ủy quyền công bố thông tin.
11. **Ngày công bố thông tin:** là ngày thông tin xuất hiện trên một trong các phương tiện công bố thông tin quy định tại khoản 1 Điều 6 Quy chế này.
12. **Ngày báo cáo về việc công bố thông tin:** là ngày gửi fax, gửi qua thư điện tử, ngày thông tin được tiếp nhận trên hệ thống công bố thông tin của UBCKNN, phương tiện công bố thông tin của SGDCK hoặc ngày UBCKNN, SGDCK nhận được văn bản báo cáo tùy theo thời điểm nào đến trước.
13. **Tổ chức kiểm toán được chấp thuận:** là tổ chức kiểm toán độc lập thuộc danh sách các tổ chức kiểm toán được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán theo quy định của Luật Chứng khoán và pháp luật về kiểm toán độc lập.
14. **Ngày thực hiện giao dịch chứng khoán** được xác định như sau:
- a. Là ngày đặt lệnh giao dịch trong trường hợp giao dịch thực hiện qua Sở giao dịch chứng khoán.
 - b. Là ngày đăng ký thực hiện giao dịch quyền mua, đăng ký thực hiện quyền chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu trong trường hợp thực hiện quyền mua, quyền chuyển đổi trái phiếu.



- c. Là ngày các bên đề nghị chuyển quyền sở hữu chứng khoán trong trường hợp giao dịch thực hiện qua Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.
- d. Là ngày nộp phiếu tham dự đấu giá trong trường hợp thực hiện giao dịch qua phương thức đấu giá.
- e. Là ngày các bên đề nghị chuyển nhượng tại tổ chức phát hành trong trường hợp giao dịch không thực hiện qua Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam và không thực hiện qua Sở giao dịch chứng khoán.

15. Ngày hoàn tất giao dịch chứng khoán được xác định như sau:

- a. Là ngày kết thúc việc thanh toán giao dịch trong trường hợp giao dịch thực hiện qua Sở giao dịch chứng khoán.
- b. Là ngày kết thúc việc thanh toán giao dịch trong trường hợp giao dịch thực hiện quyền mua.
- c. Là ngày hoàn tất việc chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu theo thông báo của tổ chức phát hành.
- d. Là ngày hiệu lực chuyển quyền sở hữu chứng khoán tại Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam trong trường hợp giao dịch thực hiện qua Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.
- e. Là ngày kết thúc việc thanh toán tiền mua cổ phần theo thông báo của tổ chức thực hiện bán đấu giá cổ phần trong trường hợp thực hiện giao dịch qua phương thức đấu giá.
- f. Là ngày tổ chức phát hành xác nhận hiệu lực của việc chuyển nhượng chứng khoán trong trường hợp giao dịch không thực hiện qua Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam và không thực hiện qua Sở giao dịch chứng khoán.

16. Đối tượng công bố thông tin: là Nam A Bank; Nhà đầu tư thuộc Nam A Bank.

17. Trang thông tin điện tử (Website) của Nam A Bank: là trang thông tin chính thức của Nam A Bank tại địa chỉ <https://www.namabank.com.vn> hoặc một tập hợp trang thông tin trên môi trường mạng internet phục vụ cho việc cung cấp, trao đổi thông tin của Nam A Bank.

18. Hệ thống công bố thông tin của UBCKNN³: là hệ thống IDS/IDS plus/IDS pro tại địa chỉ <https://ids.ssc.gov.vn> để công ty đại chúng thực hiện báo cáo và công bố thông tin bằng hình thức điện tử. Thông tin được báo cáo và công bố qua IDS gồm:

- a. Thông tin công bố định kỳ, bất thường và thông tin công bố theo yêu cầu;

³ Điều 3, Điều 14 Quyết định số 296/QĐ-UBCK ngày 31 tháng 3 năm 2017.

- b. Thông tin liên quan đến chào bán phát hành chứng khoán, giao dịch cổ phiếu quỹ, chào mua công khai.

Điều 4. Nguyên tắc công bố thông tin

1. Nguyên tắc chung về công bố thông tin

- a. Căn cứ theo quy định pháp luật và quy định của NHNN/UBCKNN, Quy chế này và các quy định nội bộ khác trong từng thời kỳ, Nam A Bank sẽ thực hiện công bố đầy đủ, chính xác, kịp thời các thông tin theo đúng quy định (bao gồm việc công bố các thông tin theo yêu cầu).
- b. Căn cứ vào tình hình và thực tế hoạt động kinh doanh, Nam A Bank có thể tiến hành các hoạt động công bố thông tin, truyền thông, phát ngôn khác (là những thông tin không bắt buộc phải công bố theo quy định pháp luật) nhằm mục tiêu quảng bá hình ảnh, sản phẩm dịch vụ hoặc gia tăng mức độ nhận diện thương hiệu với các nội dung, hình thức phù hợp với các quy định pháp luật về quảng cáo, xúc tiến thương mại và các quy định của NHNN, quy định nội bộ của Nam A Bank trong từng thời kỳ.
- c. Đối tượng công bố thông tin phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố. Trường hợp có sự thay đổi nội dung thông tin đã công bố, đối tượng công bố thông tin phải công bố kịp thời, đầy đủ nội dung thay đổi và lý do thay đổi so với thông tin đã công bố trước đó.

2. Nguyên tắc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán⁴

- 2.1. Người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền công bố thông tin của Nam A Bank có trách nhiệm sau:
- a. Công bố các thông tin của ngân hàng với công chúng đầu tư theo quy định của pháp luật và Điều lệ Nam A Bank.
- b. Công khai tên, số điện thoại làm việc để cổ đông liên hệ.
- 2.2. Việc công bố các thông tin cá nhân bao gồm: Căn cước công dân, Chứng minh nhân dân, Chứng minh quân nhân, Hộ chiếu còn hiệu lực, địa chỉ liên lạc, địa chỉ thường trú, số điện thoại, số fax, thư điện tử, số tài khoản giao dịch chứng khoán, số tài khoản lưu ký chứng khoán, số tài khoản ngân hàng, mã số giao dịch của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài sở hữu trên 50% vốn điều lệ chỉ được thực hiện nếu cá nhân đó đồng ý.
- 2.3. Khi công bố thông tin phải đồng thời báo cáo UBCKNN và SGDCK nơi chứng khoán đó niêm yết, đăng ký giao dịch về nội dung thông tin công bố, bao gồm

⁴ Điều 4 Thông tư số 96/2020/TT-BTC; Khoản 2 Điều 295 và Khoản 2 Điều 300 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.



đầy đủ các thông tin theo quy định. Trường hợp thông tin công bố bao gồm các thông tin cá nhân quy định tại Khoản 2.2 Điều này và các đối tượng công bố thông tin không đồng ý công khai các thông tin này thì phải gửi UBCKNN và SGDCK 02 bản tài liệu, trong đó 01 bản bao gồm đầy đủ thông tin cá nhân và 01 bản không bao gồm thông tin cá nhân để UBCKNN và SGDCK thực hiện công bố thông tin.

2.4. Việc công bố thông tin được thực hiện bảo đảm cô đọng và công chúng đầu tư được tiếp cận một cách công bằng. Ngôn ngữ trong công bố thông tin cần rõ ràng, dễ hiểu và tránh gây hiểu lầm cho cổ đông và công chúng, nhà đầu tư.

2.5. Các đối tượng công bố thông tin có trách nhiệm bảo quản, lưu giữ thông tin đã báo cáo, công bố theo quy định sau:

a. Các thông tin công bố định kỳ, thông tin về việc đăng ký công ty đại chúng phải được lưu giữ dưới dạng văn bản (nếu có) và dữ liệu điện tử tối thiểu 10 năm. Các thông tin này phải được lưu giữ và truy cập được trên trang thông tin điện tử của Nam A Bank tối thiểu là 05 (năm) năm.

b. Các thông tin công bố bất thường, theo yêu cầu hoặc các hoạt động khác phải được lưu giữ và truy cập được trên trang thông tin điện tử của Nam A Bank trong tối thiểu 05 (năm) năm.

2.6. Ngôn ngữ thông tin công bố trên thị trường chứng khoán là tiếng Việt.

Điều 5. Người thực hiện công bố thông tin⁵

1. Nam A Bank phải thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin thông qua 01 người đại diện theo pháp luật hoặc 01 cá nhân là người được ủy quyền công bố thông tin của Nam A Bank. Người thực hiện công bố thông tin là người có thẩm quyền phê duyệt nội dung, phương thức và các vấn đề có liên quan đến việc công bố thông tin.

a. Người đại diện theo pháp luật phải chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, chính xác và kịp thời về thông tin do người được ủy quyền công bố thông tin công bố. Trường hợp phát sinh sự kiện công bố thông tin mà tất cả người đại diện theo pháp luật và người được ủy quyền công bố thông tin đều vắng mặt thì thành viên giữ chức vụ cao nhất của Ban Điều hành có trách nhiệm thay thế thực hiện công bố thông tin. Trường hợp có hơn 01 người giữ chức vụ cao nhất, các thành viên còn lại của Ban Điều hành phải thực hiện bầu hoặc chỉ định 01 người chịu trách nhiệm công bố thông tin.

⁵ Điều 6 Thông tư số 96/2020/TT-BTC.



- b. Việc ủy quyền công bố thông tin (có thể bao gồm việc phát ngôn) thực hiện theo quy định pháp luật và quy chế, quy định, các văn bản nội bộ về phân cấp, ủy quyền của Nam A Bank.
 - c. Trường hợp công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Nam A Bank phải báo cáo, báo cáo lại thông tin về người thực hiện công bố thông tin cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán trong thời hạn 24 giờ kể từ khi việc chỉ định, ủy quyền hoặc thay đổi người thực hiện công bố thông tin có hiệu lực. Nội dung thông tin báo cáo về người thực hiện công bố thông tin bao gồm: Giấy ủy quyền công bố thông tin, Bản cung cấp thông tin theo mẫu quy định tại Phụ lục I và Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có).
 - d. Việc đăng ký, cập nhật, thay đổi thông tin của người phụ trách thực hiện công bố thông tin qua hệ thống của UBCKNN và hệ thống của SGDCK được thực hiện theo quy chế hướng dẫn sử dụng hệ thống thông tin của UBCKNN, quy định của SGDCK và các quy định sửa đổi, bổ sung liên quan trong từng thời kỳ.
2. Nhà đầu tư thuộc Nam A Bank là cá nhân có thể tự thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin trên thị trường chứng khoán hoặc ủy quyền cho 01 tổ chức (công ty chứng khoán, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam hoặc tổ chức khác có chức năng) hoặc 01 cá nhân khác thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin trên thị trường chứng khoán theo đúng quy định tại Khoản 2 Điều 6 Thông tư số 96/2020/TT-BTC và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có); và phải chịu trách nhiệm về thông tin được công bố theo quy định pháp luật và Quy chế này.

Điều 6. Phương tiện báo cáo, công bố thông tin⁶

- 1. Các phương tiện báo cáo, công bố thông tin bao gồm:
 - a. Trang thông tin điện tử (website) của Nam A Bank.
 - b. Hệ thống công bố thông tin của UBCKNN.
 - c. Trang thông tin điện tử của SGDCK, phương tiện công bố thông tin khác theo Quy chế của SGDCK.
 - d. Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (trong trường hợp công bố nội dung về đăng ký/thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp).
 - e. Các phương tiện thông tin đại chúng khác theo quy định pháp luật (báo in, báo điện tử,...).
 - f. Các hình thức công bố thông tin khác phù hợp quy định pháp luật, quy định của NHNN trong từng thời kỳ.

⁶ Điều 7 Thông tư số 96/2020/TT-BTC, Điều 33 Luật doanh nghiệp 2014.



2. Nam A Bank phải lập trang thông tin điện tử theo quy định sau:
- Nam A Bank phải lập trang thông tin điện tử khi thực hiện thủ tục đăng ký công ty đại chúng với UBCKNN hoặc/và thực hiện chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng, phát hành trái phiếu ra công chúng phải lập trang thông tin điện tử trước khi thực hiện chào bán hoặc/và phải lập trang thông tin điện tử khi thực hiện thủ tục đăng ký niêm yết, đăng ký giao dịch trên SGDCK.
 - Khi lập trang thông tin điện tử phải báo cáo với UBCKNN, SGDCK và công khai địa chỉ trang thông tin điện tử và mọi thay đổi liên quan đến địa chỉ này trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn tất việc lập trang thông tin điện tử hoặc khi thay đổi địa chỉ trang thông tin điện tử này.
 - Trang thông tin điện tử phải có các nội dung về ngành, nghề kinh doanh và các nội dung phải thông báo công khai trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp và mọi thay đổi liên quan tới các nội dung này; chuyên mục riêng về quan hệ cổ đông (nhà đầu tư), trong đó phải công bố Điều lệ; Quy chế công bố thông tin; Quy chế nội bộ về quản trị (nếu có); Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát (nếu có); Báo cáo bạch (nếu có) và các thông tin công bố định kỳ, bất thường, theo yêu cầu và các hoạt động khác quy định tại Quy chế này và quy định của pháp luật có liên quan.
 - Trang thông tin điện tử phải hiển thị thời gian đăng tải thông tin, đồng thời phải đảm bảo nhà đầu tư có thể tìm kiếm và tiếp cận được các dữ liệu trên trang thông tin điện tử đó.
3. Đối với việc báo cáo, công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Nam A Bank phải thực hiện báo cáo, công bố trên các phương tiện quy định tại điểm a, b và c khoản 1 Điều này.
4. Trường hợp nghĩa vụ công bố thông tin phát sinh vào ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định pháp luật, Nam A Bank thực hiện công bố thông tin trên phương tiện quy định tại điểm a khoản 1 Điều này và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định pháp luật vào ngày làm việc liền sau của ngày nghỉ, ngày lễ.
5. Cách thức báo cáo, công bố thông tin trên hệ thống công bố thông tin của UBCKNN, phương tiện công bố thông tin của SGDCK thực hiện theo hướng dẫn của UBCKNN, SGDCK.
6. Đối tượng công bố thông tin không phải gửi bản giấy để báo cáo UBCKNN, SGDCK trong trường hợp các tài liệu đã được thực hiện công bố trên tất cả các phương tiện báo cáo, công bố theo quy định tại khoản 3 Điều này và đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật về văn bản điện tử.



Điều 7. Tạm hoãn công bố thông tin

1. Đối tượng công bố thông tin được tạm hoãn công bố thông tin trong trường hợp vì những lý do bất khả kháng như: Thiên tai, hỏa hoạn, chiến tranh, dịch bệnh và các lý do bất khả kháng khác.
2. Đối tượng công bố thông tin phải báo cáo UBCKNN, SGDCK về việc tạm hoãn công bố thông tin ngay khi xảy ra sự kiện, trong đó nêu rõ lý do của việc tạm hoãn công bố thông tin, đồng thời công bố về việc tạm hoãn công bố thông tin.
3. Ngay sau khi đã khắc phục được tình trạng bất khả kháng, đối tượng công bố thông tin có trách nhiệm công bố đầy đủ các thông tin mà trước đó chưa công bố theo quy định pháp luật.

Điều 8. Xử lý vi phạm về công bố thông tin

1. Cán bộ, nhân viên tại các đơn vị trong toàn hệ thống có trách nhiệm nắm rõ Quy chế này và thực hiện các công việc theo đúng chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền liên quan đến việc công bố thông tin, truyền thông, phát ngôn của Nam A Bank.
2. Nghiêm cấm việc tự ý công bố thông tin, tự nhân danh Nam A Bank để truyền thông, phát ngôn, chia sẻ các thông tin của Nam A Bank ra bên ngoài khi chưa được sự đồng ý, phê duyệt của cấp có thẩm quyền hoặc trái với quy định của Quy chế này và các quy định nội bộ có liên quan của Nam A Bank.
3. Cán bộ, nhân viên Nam A Bank vi phạm Quy chế này, tùy tính chất và mức độ vi phạm sẽ bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự, nếu gây thiệt hại phải bồi thường theo quy định của pháp luật và của Nam A Bank.

Chương II

CÔNG BỐ THÔNG TIN LIÊN QUAN ĐẾN QUẢN TRỊ CÔNG TY, MẠNG LƯỚI HOẠT ĐỘNG, GIẤY PHÉP

Mục 1

Công bố thông tin liên quan đến quản trị công ty

Điều 9. Công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp

1. Sau khi nhận được văn bản chấp thuận đủ điều kiện khai trương hoạt động chi nhánh, phòng giao dịch của NHNN chi nhánh, Nam A Bank thực hiện việc đăng ký hoạt động chi nhánh (đối với chi nhánh), hoặc thông báo lập địa điểm kinh doanh (đối với phòng giao dịch)⁷ hoặc đăng ký thành lập văn phòng đại diện, cụ thể như sau:

⁷ Khoản 4 Điều 14 Thông tư số 21/2013/TT-NHNN.

- a. Khi đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, Nam A Bank phải gửi thông báo lập chi nhánh, văn phòng đại diện đến Phòng Đăng ký kinh doanh nơi đặt chi nhánh, văn phòng đại diện theo quy định của pháp luật về đăng ký doanh nghiệp⁸.
 - b. Thông báo lập địa điểm kinh doanh: Trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc, kể từ ngày quyết định lập phòng giao dịch/địa điểm kinh doanh, Nam A Bank gửi thông báo lập địa điểm kinh doanh đến Phòng Đăng ký kinh doanh nơi đặt địa điểm kinh doanh theo quy định của pháp luật về đăng ký doanh nghiệp⁹.
2. Trường hợp Nam A Bank thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp, những thay đổi tương ứng phải được thông báo công khai trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp trong thời hạn là 30 (ba mươi) ngày, kể từ ngày được công khai¹⁰.

Điều 10. Công khai thông tin công ty cổ phần¹¹

1. Nam A Bank phải gửi báo cáo tài chính hằng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về kế toán và quy định khác của pháp luật có liên quan.
2. Nam A Bank công bố trên trang thông tin điện tử của mình các thông tin sau đây:
 - a. Điều lệ Nam A Bank.
 - b. Sơ yếu lý lịch, trình độ học vấn và kinh nghiệm nghề nghiệp của các thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc Nam A Bank.
 - c. Báo cáo tài chính hằng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.
 - d. Báo cáo đánh giá kết quả hoạt động hằng năm của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.
3. Nam A Bank (trong trường hợp chưa niêm yết) phải thông báo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh nơi có trụ sở chính chậm nhất 03 (ba) ngày làm việc sau khi có thông tin hoặc có thay đổi các thông tin về họ, tên, quốc tịch, số hộ chiếu, địa chỉ liên lạc, số cổ phần và loại cổ phần của cổ đông là cá nhân nước ngoài; tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, số cổ phần và loại cổ phần của cổ đông là tổ chức nước ngoài và họ, tên, quốc tịch, số hộ chiếu, địa chỉ liên lạc người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức nước ngoài.

Điều 11. Báo cáo và công bố thông tin về quản trị công ty¹²

⁸ Khoản 1 Điều 31 Nghị định số 01/2021/NĐ-CP.

⁹ Khoản 2 Điều 31 Nghị định số 01/2021/NĐ-CP.

¹⁰ Điều 32 Luật Doanh nghiệp 2020.

¹¹ Điều 176 Luật doanh nghiệp 2020.

¹² Điều 297 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.

1. Nam A Bank phải báo cáo về tình hình quản trị ngân hàng tại các kỳ Đại hội đồng cổ đông thường niên và công bố thông tin trong Báo cáo thường niên của Nam A Bank theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.
2. Nam A Bank có nghĩa vụ báo cáo và công bố thông tin định kỳ 06 (sáu) tháng theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

Điều 12. Công bố thông tin về thu nhập của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc¹³

Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị và tiền lương của Tổng giám đốc và người quản lý khác phải được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính hàng năm của Nam A Bank và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Mục 2

Công bố thông tin liên quan đến giấy phép hoạt động

Điều 13. Công bố thông tin liên quan đến cấp đổi Giấy phép, cấp bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép¹⁴

Sau khi được NHNN cấp đổi Giấy phép, cấp bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép, Nam A Bank phải:

1. Thực hiện thủ tục với cơ quan đăng ký kinh doanh về những thay đổi của Giấy phép theo quy định của pháp luật.
2. Công bố những thay đổi của Giấy phép trên các phương tiện thông tin của NHNN và một tờ báo viết hàng ngày trong 03 số liên tiếp hoặc báo điện tử Việt Nam trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày được NHNN cấp đổi Giấy phép, cấp bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép.
3. Nam A Bank phải thực hiện sửa đổi, bổ sung Điều lệ phù hợp với nội dung Giấy phép cấp đổi, cấp bổ sung và phải gửi Ngân hàng Nhà nước (Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng) trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được Đại hội đồng cổ đông thông qua và ký ban hành.

Mục 3

Công bố thông tin liên quan đến mạng lưới hoạt động

Điều 14. Công bố thông tin liên quan đến mạng lưới hoạt động

1. Trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản chấp thuận của NHNN, Nam A Bank thực hiện công bố thông tin như sau¹⁵:

¹³ Điều 298 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.

¹⁴ Điều 18b, Điều 27 Thông tư số 40/2011/TT-NHNN, được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 17/2017/TT-NHNN; khoản 3 Điều 31 Luật các tổ chức tín dụng 2010, được sửa đổi bởi khoản 18 Điều 1 Luật số 17/2017/QH14.



Nội dung thay đổi cần công bố		Cách thức công bố
1.1.	a. Tên, địa điểm đặt trụ sở chính của Nam A Bank. b. Địa điểm đặt trụ sở chi nhánh của Nam A Bank. c. Mức vốn điều lệ. d. Nội dung, phạm vi và thời hạn hoạt động.	Công bố nội dung thay đổi trên: - Các phương tiện thông tin của NHNN và một tờ báo viết hằng ngày trong 03 số liên tiếp hoặc báo điện tử của Việt Nam. - Trang thông tin điện tử, tại trụ sở chính, trụ sở chi nhánh, phòng giao dịch có liên quan của Nam A Bank.
1.2.	a. Tên chi nhánh, phòng giao dịch của Nam A Bank. b. Địa điểm đặt trụ sở chi nhánh, phòng giao dịch của Nam A Bank. c. Chi nhánh quản lý phòng giao dịch của Nam A Bank.	Công bố nội dung thay đổi trên trang thông tin điện tử, tại trụ sở chính, trụ sở chi nhánh, phòng giao dịch có liên quan của Nam A Bank.

2. Sau khi Nam A Bank được NHNN chấp thuận thành lập văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp ở trong nước; chi nhánh, văn phòng đại diện, ngân hàng 100% vốn ở nước ngoài, thì thực hiện như sau¹⁶:
- Trường hợp Nam A Bank quyết định việc khai trương hoạt động văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp ở trong nước thì cần có văn bản báo cáo Ngân hàng Nhà nước (qua Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng), Ngân hàng Nhà nước chi nhánh nơi đặt trụ sở văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp ở trong nước chậm nhất 14 ngày làm việc trước ngày khai trương hoạt động.
 - Trường hợp Nam A Bank quyết định tiến hành khai trương hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, ngân hàng 100% vốn ở nước ngoài theo quy định của pháp luật nước ngoài thì cần có văn bản báo cáo Ngân hàng Nhà nước (qua Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng) chậm nhất 14 ngày làm việc trước ngày khai trương hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, ngân hàng 100% vốn ở nước ngoài.

¹⁵ Điều 29 Luật các tổ chức tín dụng 2010, được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 4 Điều 1 Luật số 17/2017/QH14 và Điều 16, 17, 20, 21 Thông tư số 21/2013/TT-NHNN.

¹⁶ Điều 15 Thông tư số 21/2013/TT-NHNN.



3. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày thực hiện thay đổi theo quy định tại các Điều 18 (Thay đổi tên, địa điểm đặt trụ sở văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp ở trong nước; chi nhánh, văn phòng đại diện, ngân hàng 100% vốn ở nước ngoài), Điều 19 (Thay đổi tên chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp ở trong nước; chi nhánh, văn phòng đại diện, ngân hàng 100% vốn ở nước ngoài trong trường hợp tổ chức lại ngân hàng) của Thông tư số 21/2013/TT-NHNN và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế có liên quan (nếu có), Nam A Bank phải thực hiện công bố nội dung thay đổi trên trang thông tin điện tử, tại trụ sở chính, trụ sở chi nhánh ở trong nước, phòng giao dịch có liên quan của Nam A Bank¹⁷.
4. Trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày chấm dứt hoạt động, giải thể chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp ở trong nước; chi nhánh, văn phòng đại diện, ngân hàng 100% vốn ở nước ngoài (trừ trường hợp đương nhiên chấm dứt hoạt động, giải thể do Nam A Bank chấm dứt hoạt động, giải thể), Nam A Bank phải thực hiện công bố và niêm yết công khai việc chấm dứt hoạt động giải thể này trên trang thông tin điện tử, tại trụ sở chính, trụ sở chi nhánh quản lý phòng giao dịch (đối với việc chấm dứt phòng giao dịch) của Nam A Bank, đăng báo trung ương và địa phương. Nội dung công bố, niêm yết công khai tối thiểu bao gồm¹⁸:
- a. Tên, địa chỉ của chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp ở trong nước; chi nhánh, văn phòng đại diện, ngân hàng 100% vốn nước ngoài chấm dứt hoạt động, giải thể.
 - b. Thời điểm chấm dứt hoạt động, giải thể.
 - c. Trách nhiệm của Nam A Bank về tài sản, quyền, nghĩa vụ và các lợi ích liên quan của chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện đơn vị sự nghiệp ở trong nước; chi nhánh, văn phòng đại diện, ngân hàng 100% vốn nước ngoài chấm dứt hoạt động, giải thể.

Mục 4

Công bố thông tin liên quan về tỷ lệ an toàn vốn

Điều 15. Công bố thông tin về tỷ lệ an toàn vốn¹⁹

Định kỳ 6 tháng một lần theo năm tài chính, Nam A Bank thực hiện công bố thông tin về tỷ lệ an toàn vốn theo các nội dung quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Thông tư số

¹⁷ Điều 18, 19, 21 Thông tư số 21/2013/TT-NHNN.

¹⁸ Điều 27 Thông tư số 21/2013/TT-NHNN.

¹⁹ Khoản 1 Điều 20 Thông tư 41/2016/TT-NHNN.

41/2016/TT-NHNN và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế của NHNN trong từng thời kỳ. Thời hạn công bố thông tin thực hiện theo thời hạn công bố báo cáo tài chính của Nam A Bank theo quy định pháp luật, Quy chế này.

Chương III

CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN

Mục 1

Công bố thông tin định kỳ²⁰

Điều 16. Công bố báo cáo tài chính năm và báo cáo thường niên

1. Nam A Bank phải công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận theo nguyên tắc sau:

- a. Báo cáo tài chính phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp.
- b. Nam A Bank có công ty con thì phải công bố 02 báo cáo: báo cáo tài chính năm của riêng Nam A Bank và báo cáo tài chính năm hợp nhất theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp.

Trường hợp Nam A Bank là đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng phải công bố báo cáo tài chính năm tổng hợp theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp.

Trường hợp Nam A Bank có công ty con, đồng thời là đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng, Nam A Bank phải công bố 02 báo cáo: báo cáo tài chính năm tổng hợp và báo cáo tài chính năm hợp nhất theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp.

c. Nam A Bank phải công bố thông tin về báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bao gồm cả báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính đó và văn bản giải trình của Nam A Bank trong trường hợp tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính.

d. Thời hạn công bố báo cáo tài chính năm:

Nam A Bank phải công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán trong thời hạn 10 (mười) ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán nhưng không vượt quá 90 (chín mươi) ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

2. Nam A Bank phải lập báo cáo thường niên theo Phụ lục số IV ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có) và

²⁰ Điều 10 Thông tư 96/2020/TT-BTC.



công bố báo cáo này trong thời hạn 20 (hai mươi) ngày kể từ ngày công bố báo cáo tài chính năm được kiểm toán nhưng không vượt quá 110 (một trăm mười) ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

Thông tin tài chính trong báo cáo thường niên phải phù hợp với báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán.

Điều 17. Công bố báo cáo tài chính bán niên

1. Nam A Bank phải công bố báo cáo tài chính bán niên đã được soát xét bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận.
2. Báo cáo tài chính bán niên phải là báo cáo tài chính giữa niên độ dạng đầy đủ theo Chuẩn mực kế toán “Báo cáo tài chính giữa niên độ”, trình bày số liệu tài chính trong 06 tháng đầu năm tài chính của ngân hàng, được lập theo quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều 16 Quy chế này.
3. Báo cáo tài chính bán niên phải được soát xét theo Chuẩn mực về công tác soát xét báo cáo tài chính. Toàn văn báo cáo tài chính bán niên phải được công bố đầy đủ, kèm theo kết luận soát xét và văn bản giải trình của Nam A Bank trong trường hợp kết luận soát xét không phải là kết luận chấp nhận toàn phần.
4. Thời hạn công bố báo cáo tài chính bán niên:
 - a. Nam A Bank phải công bố báo cáo tài chính bán niên đã được soát xét trong thời hạn 05 (năm) ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo soát xét nhưng không được vượt quá 45 (bốn mươi lăm) ngày, kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm tài chính.
 - b. Trường hợp Nam A Bank có công ty con hoặc là đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng phải công bố báo cáo tài chính bán niên đã được soát xét trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo soát xét nhưng tối đa không quá 60 ngày, kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm tài chính.

Điều 18. Công bố báo cáo tài chính quý

Nam A Bank phải công bố báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính quý đã được soát xét (nếu có).

1. Báo cáo tài chính quý phải là báo cáo tài chính giữa niên độ dạng đầy đủ theo Chuẩn mực kế toán “Báo cáo tài chính giữa niên độ”, được lập theo quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều 16 Quy chế này. Toàn văn báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính quý đã được soát xét (nếu có) phải được công bố đầy đủ, kèm theo kết luận soát xét và văn bản giải trình của Nam A Bank trong trường hợp báo cáo tài chính quý được soát xét có kết luận soát xét không phải là kết luận chấp nhận toàn phần.
2. Thời hạn công bố báo cáo tài chính quý:



- a. Nam A Bank phải công bố báo cáo tài chính quý trong thời hạn 20 (hai mươi) ngày kể từ ngày kết thúc quý; công bố báo cáo tài chính quý được soát xét (nếu có) trong thời hạn 05 (năm) ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo soát xét không được vượt quá 45 ngày, kể từ ngày kết thúc quý.
- b. Trường hợp Nam A Bank có công ty con hoặc là đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng thì phải công bố báo cáo tài chính quý trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày kết thúc quý.

Trường hợp Nam A Bank đã thực hiện công bố báo cáo tài chính quý đã được soát xét trong thời hạn quy định của báo cáo tài chính quý thì không phải thực hiện công bố báo cáo tài chính quý.

Điều 19. Công bố thông tin về họp Đại hội đồng cổ đông thường niên

1. Tối thiểu 21 (hai mươi một) ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông, Nam A Bank phải công bố trên trang thông tin điện tử của Nam A Bank và của UBCKNN, SGDCK (trường hợp Nam A Bank Á niêm yết/đăng ký giao dịch) về việc họp Đại hội đồng cổ đông, trong đó nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông thường niên, bao gồm: thông báo mời họp, mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp (nếu có), chương trình họp, phiếu biểu quyết, tài liệu liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.
2. Tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông phải được cập nhật các sửa đổi, bổ sung (nếu có).
3. Biên bản họp, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên và tài liệu kèm theo trong biên bản, nghị quyết phải được công bố trong thời hạn 24 (hai mươi tư) giờ. Trường hợp Đại hội đồng cổ đông thông qua việc hủy niêm yết, Nam A Bank phải công bố thông tin về việc hủy niêm yết kèm theo tỷ lệ thông qua của cổ đông không phải là cổ đông lớn.

Điều 20. Công bố thông tin về hoạt động chào bán, phát hành, niêm yết, đăng ký giao dịch; báo cáo sử dụng vốn và giao dịch mua lại cổ phiếu của chính mình, bán cổ phiếu quỹ.

1. Nam A Bank thực hiện chào bán chứng khoán riêng lẻ, chào bán chứng khoán ra công chúng, phát hành chứng khoán, niêm yết, đăng ký giao dịch thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin về hoạt động chào bán, phát hành, niêm yết, đăng ký giao dịch và báo cáo sử dụng vốn theo quy định pháp luật về chào bán, phát hành chứng khoán, niêm yết, đăng ký giao dịch chứng khoán.
2. Trường hợp Nam A Bank mua lại cổ phiếu của chính mình hoặc bán cổ phiếu quỹ, thì phải thực hiện công bố thông tin theo quy định pháp luật về việc mua lại cổ phiếu của chính mình, bán cổ phiếu quỹ.



Trường hợp Nam A Bank mua lại cổ phiếu của chính mình, sau khi thanh toán hết số cổ phiếu mua lại, nếu tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán giảm hơn 10% thì Nam A Bank phải thông báo cho tất cả các chủ nợ biết và công bố thông tin trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày hoàn tất nghĩa vụ thanh toán việc mua lại cổ phiếu.

Điều 21. Công bố thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài

Nam A Bank phải công bố thông tin về giới hạn tỷ lệ sở hữu nước ngoài của mình và các thay đổi liên quan đến tỷ lệ sở hữu này trên trang thông tin điện tử của Nam A Bank, của SGDCK và Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam và hệ thống công bố thông tin của UBCKNN theo quy định pháp luật chứng khoán hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

Điều 22. Nội dung khác

1. Khi công bố thông tin các báo cáo tài chính nêu tại Điều 16, Điều 17 và Điều 18 Quy chế này, Nam A Bank phải đồng thời giải trình nguyên nhân trên cả cơ sở báo cáo tài chính của Nam A Bank và báo cáo tài chính hợp nhất khi xảy ra một trong các trường hợp sau:
 - a. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước.
 - b. Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ; hoặc chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại.
 - c. Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán hoặc soát xét từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại.
2. Trường hợp Nam A Bank có công ty con hoặc đồng thời là đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng phải giải trình nguyên nhân phát sinh các sự kiện quy định tại khoản 1 Điều này trên cơ sở báo cáo tài chính của Nam A Bank hoặc báo cáo tài chính tổng hợp và báo cáo tài chính hợp nhất.

Mục 2

Công bố thông tin bất thường và theo yêu cầu

Điều 23. Công bố thông tin bất thường²¹

1. Nam A Bank phải công bố thông tin bất thường trong thời hạn 24 (hai mươi tư) giờ, kể từ khi xảy ra một trong các sự kiện sau đây:
 - 1.1. Tài khoản của Nam A Bank tại ngân hàng bị phong tỏa theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền hoặc khi cơ quan/tổ chức có thẩm quyền phát hiện có dấu

²¹ Điều 11 và Điều 15 Thông tư số 96/2020/TT-BTC.



hiệu gian lận, vi phạm pháp luật liên quan đến tài khoản thanh toán; tài khoản được phép hoạt động trở lại sau khi bị phong tỏa trong các trường hợp quy định tại điểm này.

- 1.2. Khi nhận được văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc khi Nam A Bank có quyết định về tạm ngừng một phần hoặc toàn bộ hoạt động kinh doanh; thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp; thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; sửa đổi, bổ sung hoặc bị đình chỉ, thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động.
- 1.3. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất thường. Tài liệu công bố bao gồm: Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, biên bản họp và tài liệu kèm theo biên bản, nghị quyết hoặc biên bản kiểm phiếu (trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản). Trường hợp Đại hội đồng cổ đông thông qua việc hủy niêm yết, Nam A Bank phải công bố thông tin về việc hủy niêm yết kèm theo tỷ lệ thông qua của cổ đông không phải là cổ đông lớn.
- 1.4. Quyết định mua lại cổ phiếu của Nam A Bank hoặc bán cổ phiếu quỹ; ngày thực hiện quyền mua cổ phần của người sở hữu trái phiếu kèm theo quyền mua cổ phần hoặc ngày thực hiện chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu; quyết định chào bán chứng khoán ra nước ngoài và các quyết định liên quan đến việc chào bán, phát hành chứng khoán.
- 1.5. Quyết định về mức cổ tức, hình thức trả cổ tức, thời gian trả cổ tức; quyết định tách, gộp cổ phiếu.
- 1.6. Quyết định về việc tổ chức lại ngân hàng (chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp), giải thể, phá sản; thay đổi mã số thuế, thay đổi tên, con dấu của Nam A Bank; thay đổi địa điểm; thành lập mới hoặc đóng cửa trụ sở chính, chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện; sửa đổi, bổ sung Điều lệ; chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Nam A Bank.
- 1.7. Quyết định thay đổi kỳ kế toán, chính sách kế toán áp dụng (trừ trường hợp thay đổi chính sách kế toán áp dụng do thay đổi quy định pháp luật); thông báo doanh nghiệp kiểm toán đã ký hợp đồng kiểm toán báo cáo tài chính năm hoặc thay đổi doanh nghiệp kiểm toán (sau khi đã ký hợp đồng); việc hủy hợp đồng kiểm toán đã ký.
- 1.8. Quyết định tham gia góp vốn thành lập, mua để tăng sở hữu trong một công ty dẫn đến công ty đó trở thành công ty con, công ty liên kết hoặc bán để giảm tỷ lệ sở hữu tại công ty con, công ty liên kết dẫn đến công ty đó không còn là công



ty con, công ty liên kết hoặc giải thể công ty con, công ty liên kết; đóng, mở chi nhánh.

- 1.9. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị thông qua hợp đồng, giao dịch giữa Nam A Bank với người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ hoặc người có liên quan của Nam A Bank.
- 1.10. Khi có sự thay đổi số cổ phiếu có quyền biểu quyết. Thời điểm công bố thông tin thực hiện như sau:
 - a. Trường hợp Nam A Bank phát hành thêm cổ phiếu hoặc chuyển đổi trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi thành cổ phiếu, tính từ thời điểm Nam A Bank báo cáo UBCKNN về kết quả phát hành, kết quả chuyển đổi theo quy định pháp luật về phát hành chứng khoán.
 - b. Trường hợp Nam A Bank mua lại cổ phiếu của chính mình hoặc bán cổ phiếu quỹ, tính từ thời điểm Nam A Bank báo cáo kết quả giao dịch theo quy định pháp luật về mua lại cổ phiếu của chính mình, bán cổ phiếu quỹ.
 - c. Trường hợp Nam A Bank mua lại cổ phiếu của người lao động theo quy chế phát hành cổ phiếu cho người lao động của Nam A Bank hoặc mua lại cổ phiếu lô lẻ theo yêu cầu của cổ đông, Nam A Bank công bố thông tin trong thời hạn 10 ngày đầu tiên của tháng trên cơ sở các giao dịch đã hoàn tất và cập nhật đến ngày công bố thông tin.
- 1.11. Nam A Bank thay đổi, bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại, bãi nhiệm người nội bộ; nhận được đơn xin từ chức của người nội bộ (Nam A Bank cần nêu rõ về thời điểm hiệu lực theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ). Đồng thời, Nam A Bank gửi cho UBCKNN, SGDCK Bản cung cấp thông tin của người nội bộ mới theo mẫu quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có).
- 1.12. Quyết định mua, bán tài sản hoặc thực hiện các giao dịch có giá trị lớn hơn 15% tổng tài sản của Nam A Bank căn cứ vào báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính 06 tháng gần nhất được soát xét. Trường hợp Nam A Bank có công ty con thì căn cứ vào báo cáo tài chính hợp nhất.
- 1.13. Khi nhận được quyết định khởi tố đối với Nam A Bank, người nội bộ của Nam A Bank; tạm giam, truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người nội bộ của Nam A Bank.
- 1.14. Khi nhận được bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án liên quan đến hoạt động của Nam A Bank; Quyết định xử phạt vi phạm pháp luật về thuế.



- 1.15. Nam A Bank nhận được thông báo của Tòa án thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản doanh nghiệp.
- 1.16. Trường hợp Nam A Bank nhận biết được sự kiện, thông tin làm ảnh hưởng đến giá chứng khoán của chính Nam A Bank, Nam A Bank phải xác nhận hoặc đính chính về sự kiện, thông tin đó.
- 1.17. Khi xảy ra các sự kiện khác có ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất, kinh doanh hoặc tình hình quản trị của Nam A Bank.
- 1.18. Được chấp thuận hoặc hủy bỏ niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán nước ngoài.
- 1.19. Quyết định tăng, giảm vốn điều lệ.
- 1.20. Quyết định góp vốn đầu tư vào một tổ chức, dự án, vay, cho vay hoặc các giao dịch khác với giá trị từ 10% trở lên trên tổng tài sản của Nam A Bank tại báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính bán niên gần nhất được soát xét (căn cứ vào báo cáo tài chính hợp nhất đối với trường hợp Nam A Bank là công ty mẹ).
- 1.21. Quyết định góp vốn có giá trị từ 50% trở lên vốn điều lệ của một tổ chức (xác định theo vốn điều lệ của tổ chức nhận vốn góp trước thời điểm góp vốn).
2. Công bố thông tin về Đại hội đồng cổ đông bất thường hoặc thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản:
 - a. Việc công bố thông tin về Đại hội đồng cổ đông bất thường thực hiện theo quy định tại Điều 19 Quy chế này.
 - b. Trường hợp lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông bằng văn bản, tối thiểu 10 (mười) ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến, Nam A Bank phải công bố trên trang thông tin điện tử của mình, đồng thời gửi cho tất cả các cổ đông phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết.
3. Khi công bố thông tin theo quy định tại khoản 1 Điều này, Nam A Bank phải nêu rõ sự kiện xảy ra, nguyên nhân và các giải pháp khắc phục (nếu có).
4. Công bố thông tin liên quan đến ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu.
 - a. Nam A Bank công bố thông tin về ngày đăng ký cuối cùng dự kiến thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu tối thiểu 10 (mười) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến, trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản này.



- b. Nam A Bank công bố thông tin về ngày đăng ký cuối cùng dự kiến thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu để tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 (hai mươi) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến.
5. Trường hợp tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến kiểm toán hoặc kết luận soát xét không phải là ý kiến kiểm toán hoặc kết luận soát xét chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính hoặc báo cáo tài chính có điều chỉnh hồi tố, Nam A Bank phải công bố thông tin về ý kiến kiểm toán, kết luận soát xét, kết quả điều chỉnh hồi tố báo cáo tài chính trong thời hạn theo quy định tại khoản 1 Điều 16, Điều 17 và Điều 18 Quy chế này.
6. Công bố thông tin trong các trường hợp đặc biệt khác: Sau khi thay đổi kỳ kế toán, Nam A Bank công bố báo cáo tài chính cho giai đoạn giữa 02 (hai) kỳ kế toán của năm tài chính cũ và năm tài chính mới theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp trong thời hạn 10 (mười) ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán nhưng không quá 90 (chín mươi) ngày kể từ ngày bắt đầu của năm tài chính mới.

Điều 24. Công bố thông tin theo yêu cầu²²

1. Trong các trường hợp sau đây, Nam A Bank phải công bố thông tin trong vòng 24 (hai mươi tư) giờ, kể từ khi nhận được yêu cầu của UBCKNN, SGDCK nơi Nam A Bank niêm yết, đăng ký giao dịch khi xảy ra một trong các sự kiện sau đây:
- a. Sự kiện ảnh hưởng nghiêm trọng đến lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư.
- b. Có thông tin liên quan đến Nam A Bank ảnh hưởng lớn đến giá chứng khoán và cần phải xác nhận thông tin đó.
2. Nội dung thông tin công bố theo yêu cầu phải nêu rõ sự kiện được UBCKNN, SGDCK yêu cầu công bố; nguyên nhân và đánh giá của Nam A Bank về tính xác thực của sự kiện đó, giải pháp khắc phục (nếu có).

Mục 3

Một số nội dung khác

Điều 25. Thời điểm bắt đầu thực hiện và chấm dứt việc công bố thông tin của Nam A Bank²³

1. Nam A Bank thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại khoản 1 Điều 16, Điều 17, Điều 18, các điểm 1.19, 1.20, 1.21 khoản 1 Điều 23 Quy chế này và quy định của pháp luật có liên quan kể từ thời điểm có vốn góp của chủ sở hữu từ 120 tỷ đồng trở lên tại báo cáo tài chính năm gần nhất đã được kiểm toán.

²² Điều 12 và Điều 16 Thông tư số 96/2020/TT-BTC.

²³ Điều 18 Thông tư số 96/2020/TT-BTC.

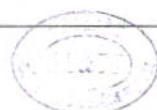


2. Trong thời hạn 01 (một) năm kể từ ngày không còn là công ty đại chúng quy mô lớn, Nam A Bank tiếp tục thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin như công ty đại chúng quy mô lớn theo quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 26. Công bố thông tin về sở hữu cổ phiếu của cổ đông lớn²⁴

1. Tổ chức, cá nhân khi trở thành hoặc không còn là cổ đông lớn của Nam A Bank phải công bố thông tin và báo cáo về giao dịch cho Nam A Bank, UBCKNN và SGDCK (đối với cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch) theo mẫu quy định tại Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư 96/2020/TT-BTC và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có) trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày trở thành hoặc không còn là cổ đông lớn.
2. Cổ đông lớn của Nam A Bank khi có thay đổi về số lượng cổ phiếu sở hữu qua các ngưỡng 1% số cổ phiếu có quyền biểu quyết phải công bố thông tin và báo cáo cho Nam A Bank, UBCKNN và SGDCK (đối với cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch) trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày có sự thay đổi trên theo mẫu quy định tại Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có).
3. Thời điểm bắt đầu, kết thúc việc trở thành cổ đông lớn hoặc thời điểm thay đổi tỷ lệ sở hữu cổ phiếu qua các ngưỡng 1% (một phần trăm) nêu tại khoản 1, khoản 2 Điều này được tính kể từ thời điểm hoàn tất giao dịch chứng khoán theo quy định tại khoản 9 Điều 3 Quy chế này.
4. Quy định tại khoản 1, 2 và 3 Điều này cũng áp dụng đối với nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Nam A Bank; nhóm nhà đầu tư nước ngoài có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Nam A Bank. Nhóm nhà đầu tư nước ngoài có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Nam A Bank thực hiện công bố thông tin theo mẫu quy định tại Phụ lục IX và Phụ lục X ban hành kèm theo Thông tư 96/2020/TT-BTC và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có) căn cứ trên tổng số lượng cổ phiếu, mà nhóm nhà đầu tư nước ngoài đó nắm giữ.
5. Quy định tại khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này không áp dụng đối với trường hợp thay đổi tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết phát sinh do Nam A Bank giao dịch cổ phiếu quỹ hoặc phát hành thêm cổ phiếu.
6. Nam A Bank công bố trên trang thông tin điện tử của Nam A Bank trong vòng 03 ngày làm việc sau khi nhận được báo cáo liên quan đến sự thay đổi tỷ lệ sở hữu cổ phiếu, quyền mua cổ phiếu của các đối tượng được quy định tại Điều này.

²⁴ Điều 31 Thông tư số 96/2020/TT-BTC.



Điều 27. Công bố thông tin về giao dịch của người nội bộ của Nam A Bank và người có liên quan của người nội bộ²⁵

1. Người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ (sau đây gọi tắt là người có liên quan) phải công bố thông tin, báo cáo trước và sau khi thực hiện giao dịch cho UBCKNN, SGDCK (đối với cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch), Nam A Bank khi giá trị giao dịch dự kiến trong ngày từ 50 triệu đồng trở lên hoặc giá trị giao dịch dự kiến trong từng tháng từ 200 triệu đồng trở lên tính theo mệnh giá (đối với cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi) hoặc giá trị chuyển nhượng (đối với quyền mua cổ phiếu, quyền mua trái phiếu chuyển đổi), kể cả trường hợp chuyển nhượng không thông qua hệ thống giao dịch tại SGDCK (như các giao dịch cho hoặc được cho, tặng hoặc được tặng, thừa kế, chuyển nhượng hoặc nhận chuyển nhượng chứng khoán và các trường hợp khác), cụ thể như sau:
 - a. Trước ngày dự kiến thực hiện giao dịch tối thiểu 03 (ba) ngày làm việc, người nội bộ và người có liên quan phải công bố thông tin về việc dự kiến giao dịch theo mẫu quy định tại Phụ lục XIII hoặc Phụ lục XIV ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có).
 - b. Thời hạn thực hiện giao dịch không được quá 30 ngày, kể từ ngày đăng ký thực hiện giao dịch. Người nội bộ và người có liên quan phải thực hiện theo thời gian, khối lượng, giá trị do SGDCK đã công bố thông tin và chỉ được thực hiện giao dịch đầu tiên vào ngày giao dịch liền sau ngày có thông tin công bố từ SGDCK.
 - c. Trường hợp thực hiện giao dịch mua trong các đợt phát hành cổ phiếu hoặc giao dịch chào mua công khai, đối tượng phải công bố thông tin theo quy định tại Điều này được miễn trừ nghĩa vụ quy định tại điểm b khoản này và thực hiện theo quy định pháp luật về hoạt động chào bán, phát hành, chào mua công khai.
 - d. Người nội bộ và người có liên quan không được đồng thời đăng ký, giao dịch mua và bán cổ phiếu, quyền mua cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi, quyền mua trái phiếu chuyển đổi trong cùng một đợt đăng ký, giao dịch và chỉ được đăng ký, thực hiện giao dịch tiếp theo khi đã báo cáo kết thúc đợt giao dịch trước đó.
 - e. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn tất giao dịch (trường hợp giao dịch kết thúc trước thời hạn đăng ký) hoặc kết thúc thời hạn dự kiến giao dịch, người nội bộ và người có liên quan phải công bố thông tin về kết quả

²⁵ Điều 33 Thông tư số 96/2020/TT-BTC.

giao dịch đồng thời giải trình nguyên nhân không thực hiện được giao dịch hoặc không thực hiện hết khối lượng đăng ký (nếu có) theo mẫu quy định tại Phụ lục XV hoặc Phụ lục XVI ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có).

- f. Người nội bộ và người có liên quan là đối tượng phải thực hiện báo cáo, công bố thông tin theo quy định tại khoản này đồng thời là đối tượng phải thực hiện báo cáo, công bố thông tin theo quy định tại Điều 26 Quy chế này thì chỉ phải thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin áp dụng đối với người nội bộ và người có liên quan.
2. Người nội bộ và người có liên quan không thuộc đối tượng phải thực hiện báo cáo, công bố thông tin theo quy định tại khoản 1 Điều này đồng thời là đối tượng phải thực hiện báo cáo, công bố thông tin theo quy định tại Điều 26 Quy chế này thì phải thực hiện nghĩa vụ báo cáo, công bố thông tin theo quy định tại Điều 26 Quy chế này.
 3. Trường hợp sau khi đăng ký giao dịch, đối tượng đăng ký giao dịch không còn là người nội bộ của Nam A Bank hoặc người có liên quan của các đối tượng này, đối tượng đăng ký giao dịch vẫn phải thực hiện việc báo cáo và công bố thông tin theo quy định tại khoản 1 Điều này.
 4. Trường hợp các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội (công đoàn, đoàn thanh niên,...), cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ Nam A Bank thực hiện giao dịch chứng khoán của Nam A Bank phải thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin áp dụng đối với người nội bộ và người có liên quan.
 5. Trong vòng 03 (ba) ngày làm việc sau khi nhận được các báo cáo liên quan đến giao dịch chứng khoán của người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ theo quy định tại Điều này, Nam A Bank phải công bố trên trang thông tin điện tử của Nam A Bank.

Chương IV

CÔNG BỐ THÔNG TIN LIÊN QUAN ĐẾN CHÀO BÁN CHỨNG KHOÁN, PHÁT HÀNH CHỨNG KHOÁN

Mục 1

Công bố thông tin và báo cáo kết quả đợt chào bán chứng khoán ra công chúng

Điều 28. Công bố thông tin về việc chào bán của tổ chức phát hành²⁶

²⁶ Khoản 5 Điều 41 Nghị định 155/2020/NĐ-CP.



Trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng khoán ra công chúng có hiệu lực, Nam A Bank công bố Bản thông báo phát hành trên 01 (một) tờ báo điện tử hoặc báo in trong 03 (ba) số liên tiếp và công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của Nam A Bank, SGDCK. Bản cáo bạch chính thức phải được đồng thời đăng tải trên trang thông tin điện tử của Nam A Bank và SGDCK.

Điều 29. Báo cáo và công bố thông tin về kết quả chào bán²⁷

Trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày kết thúc đợt chào bán, Nam A Bank phải gửi Báo cáo kết quả đợt chào bán kèm theo xác nhận của ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài nơi mở tài khoản phong tỏa về số tiền thu được từ đợt chào bán cho UBCKNN và công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của Nam A Bank, SGDCK về kết quả đợt chào bán.

Điều 30. Báo cáo và công bố thông tin việc phát hành cổ phiếu để trả cổ tức, phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn người lao động²⁸

1. Nam A Bank phải gửi tài liệu báo cáo phát hành cổ phiếu quy định tại Điều 61, Điều 63, Điều 65 Nghị định 155/2020/NĐ-CP và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có) cho UBCKNN.
2. Trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày nhận được tài liệu báo cáo phát hành đầy đủ và hợp lệ, UBCKNN gửi thông báo bằng văn bản cho Nam A Bank và đăng tải trên trang thông tin điện tử của UBCKNN về việc nhận đầy đủ tài liệu báo cáo phát hành của Nam A Bank; trường hợp từ chối, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.
3. Trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày UBCKNN thông báo về việc nhận được đầy đủ tài liệu báo cáo phát hành, Nam A Bank phải công bố Bản thông báo phát hành trên trang thông tin điện tử của Nam A Bank, SGDCK. Việc công bố thông tin trên phải được thực hiện ít nhất 07 (bảy) ngày làm việc trước ngày kết thúc đợt phát hành.
4. Ngày kết thúc đợt phát hành không được quá 45 ngày kể từ ngày Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thông báo về việc nhận được đầy đủ tài liệu báo cáo.
5. Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày kết thúc đợt phát hành, Nam A Bank phải gửi Báo cáo kết quả đợt phát hành cho UBCKNN và công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của Nam A Bank, SGDCK về kết quả đợt phát hành. Đối với trường hợp phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động, tài liệu báo cáo kết quả đợt phát hành gửi UBCKNN kèm theo:

²⁷ Khoản 7 Điều 41 Nghị định 155/2020/NĐ-CP và Khoản 5 Điều 26 Luật Chứng khoán 2019.

²⁸ Điều 69 Nghị định 155/2020/NĐ-CP.



- a. Danh sách người lao động tham gia chương trình trong đó nêu cụ thể về số lượng cổ phiếu của từng người lao động đã nộp tiền mua hoặc được phân phối (đối với trường hợp phát hành cổ phiếu thưởng cho người lao động).
 - b. Văn bản xác nhận của ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài nơi mở tài khoản phong tỏa về số tiền thu được từ đợt phát hành, trừ trường hợp phát hành cổ phiếu thưởng cho người lao động.
6. Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận được tài liệu báo cáo kết quả đợt phát hành đầy đủ và hợp lệ, UBCKNN thông báo bằng văn bản về việc nhận được báo cáo kết quả đợt phát hành cho Nam A Bank đồng thời gửi cho SGDCK, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam và đăng tải trên trang thông tin điện tử của UBCKNN về việc nhận được báo cáo kết quả đợt phát hành.

Mục 2

Công bố thông tin liên quan đến phát hành trái phiếu doanh nghiệp ra công chúng

Điều 31. Công bố thông tin liên quan đến phát hành trái phiếu doanh nghiệp ra công chúng

1. Trường hợp Nam A Bank niêm yết trái phiếu doanh nghiệp, Nam A Bank thực hiện công bố thông tin theo quy định tại Mục 1, Mục 2 Chương III Quy chế này²⁹.
2. Công bố thông tin của tổ chức phát hành trái phiếu doanh nghiệp ra công chúng³⁰
 - 2.1. Nam A Bank phát hành trái phiếu doanh nghiệp ra công chúng thực hiện công bố thông tin về việc chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra công chúng theo Nghị định 153/2020/NĐ-CP và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có), quy định pháp luật về chào bán trái phiếu ra công chúng.
 - 2.2. Nam A Bank thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin các nội dung sau:
 - a. Công bố thông tin định kỳ về báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận, báo cáo thường niên và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên kể từ khi kết thúc đợt chào bán trái phiếu ra công chúng cho đến khi hoàn tất thanh toán trái phiếu theo quy định tại Điều 16 và Điều 19 Quy chế này.
 - b. Đối với trường hợp huy động vốn để thực hiện các dự án đầu tư, Nam A Bank phải công bố thông tin định kỳ về báo cáo sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán đã được kiểm toán, báo cáo tiến độ sử dụng vốn kể từ khi kết thúc đợt chào bán trái phiếu ra công chúng cho đến khi hoàn tất thanh toán trái

²⁹ Khoản 2 Điều 20 Thông tư số 96/2020/TT-BTC.

³⁰ Điều 19 Thông tư số 96/2020/TT-BTC.

phiếu hoặc giải ngân hết số tiền đã huy động tùy theo thời điểm nào đến trước, cụ thể như sau:

Nam A Bank phải thuyết minh chi tiết việc sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán trong báo cáo tài chính năm được kiểm toán xác nhận hoặc công bố đồng thời báo cáo sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán đã được kiểm toán xác nhận cùng báo cáo tài chính năm được kiểm toán và báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Định kỳ 06 tháng, Nam A Bank phải công bố thông tin về tiến độ sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc kỳ báo cáo.

- c. Nam A Bank phải công bố thông tin về tình hình thanh toán gốc, lãi trái phiếu theo mẫu quy định tại Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có) trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày, kể từ ngày kết thúc 06 (sáu) tháng đầu năm và kết thúc năm dương lịch.
- d. Công bố thông tin bất thường khi xảy ra một trong các sự kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 23 Quy chế này và phải nêu rõ sự kiện xảy ra, nguyên nhân, giải pháp khắc phục (nếu có).
- e. Trường hợp phát hành trái phiếu chuyển đổi không bắt buộc, Nam A Bank phải gửi thư thông báo tới từng trái chủ (người sở hữu trái phiếu) và thực hiện công bố thông tin về thời gian, tỷ lệ, giá, địa điểm đăng ký chuyển đổi tối thiểu 01 (một) tháng trước ngày chuyển đổi trái phiếu.
- f. Công bố thông tin theo yêu cầu quy định tại Điều 24 Quy chế này.

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 32. Tổ chức thực hiện

1. Các ông (bà) thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc Khối, Giám đốc Khu vực, Trưởng các Phòng (Ban/Trung tâm) Hội sở, Giám đốc Trung tâm/Chi nhánh/Phòng giao dịch, Trưởng các đơn vị trực thuộc và các cán bộ, nhân viên Nam A Bank có trách nhiệm thi hành Quy chế này.
2. Căn cứ theo chức năng nhiệm vụ, các Đơn vị trên toàn hệ thống có trách nhiệm cung cấp thông tin kịp thời và phối hợp với Người thực hiện công bố thông tin/Người phụ trách quản trị doanh nghiệp và Đơn vị nghiệp vụ tại Hội sở có chức năng công bố thông tin, truyền thông, phát ngôn, hỗ trợ công tác quản trị doanh



nghiệp để thực hiện việc công bố thông tin hoặc truyền thông, phát ngôn theo đúng quy định pháp luật, quy chế này và các quy định nội bộ của Nam A Bank.

Điều 33. Điều khoản thi hành

1. Tổng Giám đốc có trách nhiệm ban hành Quy định, Quy trình, Hướng dẫn, Biểu mẫu liên quan để triển khai thực hiện Quy chế này một cách thống nhất tại Nam A Bank.
2. Việc sửa đổi, bổ sung, thay thế Quy chế này do Hội đồng quản trị quyết định.
3. Những nội dung chưa được quy định trong Quy chế này sẽ được thực hiện theo các quy định của Nam A Bank, của pháp luật và hướng dẫn có liên quan của NHNN, Bộ Tài chính, UBCKNN, ...
4. Trong Quy chế này, bất kỳ dẫn chiếu nào đến các quy định hoặc văn bản pháp luật sẽ bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc các văn bản thay thế có liên quan.
5. Khi một phần hoặc các nội dung của Quy chế này không còn phù hợp hoặc tuân thủ với sự thay đổi quy định pháp luật liên quan thì thực hiện theo quy định tương ứng của pháp luật hiện hành.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Ngô Phúc Vũ

Mục lục

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh	1
Điều 2. Đối tượng áp dụng	1
Điều 3. Giải thích từ ngữ và các từ viết tắt	1
Điều 4. Nguyên tắc công bố thông tin	4
Điều 5. Người thực hiện công bố thông tin trên thị trường chứng khoán	5
Điều 6. Phương tiện báo cáo, công bố thông tin	6
Điều 7. Tạm hoãn công bố thông tin.....	8
Điều 8. Xử lý vi phạm về công bố thông tin	8

Chương II CÔNG BỐ THÔNG TIN LIÊN QUAN ĐẾN QUẢN TRỊ CÔNG TY, MẠNG LƯỚI HOẠT ĐỘNG, GIẤY PHÉP

Mục 1. Công bố thông tin liên quan đến quản trị công ty

Điều 9. Công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp.....	8
Điều 10. Công khai thông tin công ty cổ phần.....	9
Điều 11. Báo cáo và công bố thông tin về quản trị công ty	9
Điều 12. Công bố thông tin về thu nhập của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc	10

Mục 2. Công bố thông tin liên quan đến giấy phép hoạt động

Điều 13. Công bố thông tin liên quan đến cấp đổi Giấy phép, cấp bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép	10
--	----

Mục 3 Công bố thông tin liên quan đến mạng lưới hoạt động

Điều 14. Công bố thông tin liên quan đến mạng lưới hoạt động	10
--	----

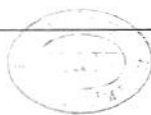
Mục 4 Công bố thông tin liên quan tỷ lệ an toàn vốn

Điều 15. Công bố thông tin tỷ lệ an toàn vốn	12
--	----

Chương III CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN

Mục 1. Công bố thông tin định kỳ

Điều 16. Công bố báo cáo tài chính năm và báo cáo thường niên	13
Điều 17. Công bố báo cáo tài chính bán niên	14
Điều 18. Công bố báo cáo tài chính quý	14
Điều 19. Công bố thông tin về họp Đại hội đồng cổ đông thường niên	15
Điều 20. Công bố thông tin về hoạt động chào bán, phát hành, niêm yết, đăng ký giao dịch; báo cáo sử dụng vốn và giao dịch mua lại cổ phiếu của chính mình, bán cổ phiếu quỹ	15



Điều 21. Công bố thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài	16
Điều 22. Nội dung khác	16
Mục 2. Công bố thông tin bất thường và theo yêu cầu	
Điều 23. Công bố thông tin bất thường	16
Điều 24. Công bố thông tin theo yêu cầu.....	20
Mục 3. Một số nội dung khác	
Điều 25. Thời điểm bắt đầu thực hiện và chấm dứt việc công bố thông tin của Nam A Bank	20
Điều 26. Công bố thông tin về sở hữu cổ phiếu của cổ đông lớn.....	21
Điều 27. Công bố thông tin về giao dịch của người nội bộ của Nam A Bank và người có liên quan của người nội bộ.....	22
Chương IV CÔNG BỐ THÔNG TIN LIÊN QUAN ĐẾN CHÀO BÁN CHỨNG KHOÁN, PHÁT HÀNH CHỨNG KHOÁN	
Mục 1. Công bố thông tin và báo cáo kết quả đợt chào bán chứng khoán ra công chúng	
Điều 28. Công bố thông tin về việc chào bán của tổ chức phát hành.....	23
Điều 29. Báo cáo và công bố thông tin về kết quả chào bán.....	24
Điều 30. Báo cáo và công bố thông tin việc phát hành cổ phiếu để trả cổ tức, phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn người lao động.....	24
Mục 2. Công bố thông tin liên quan đến phát hành trái phiếu doanh nghiệp ra công chúng	
Điều 31. Công bố thông tin liên quan đến phát hành trái phiếu doanh nghiệp ra công chúng	25
Chương V ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH	
Điều 32. Tổ chức thực hiện	26
Điều 33. Điều khoản thi hành	27



PHẦN VĂN BẢN LIÊN QUAN

Văn bản bên ngoài/ văn bản pháp luật áp dụng:

STT	Tên văn bản	Số văn bản	Ngày ban hành	Nơi ban hành
01	Luật các tổ chức tín dụng (được sửa đổi, bổ sung năm 2017)	47/2010/QH12	16/06/2010	Quốc hội
02	Luật Chứng khoán	54/2019/QH14	26/11/2019	Quốc hội
03	Nghị định hướng dẫn Luật Chứng khoán	155/2020/NĐ-CP	31/12/2020	Chính phủ
04	Nghị định quy định về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế	153/2020/NĐ-CP	31/12/2020	Chính phủ
05	Thông tư quy định về việc cấp giấy phép và tổ chức hoạt động của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng nước ngoài (được sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2018, 2019)	40/2011/TT-NHNN	15/12/2011	NHNN
06	Thông tư quy định về mạng lưới hoạt động của Ngân hàng thương mại (được sửa đổi, bổ sung năm 2015, 2018, 2019)	21/2013/TT-NHNN	09/09/2013	NHNN
07	Quy chế hướng dẫn công ty đại chúng sử dụng Hệ thống công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước	296/QĐ-UBCK	31/03/2017	UBCKNN
08	Thông tư quy định tỷ lệ an toàn vốn đối với ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài	41/2016/TT-NHNN	30/12/2016	NHNN
09	Thông tư hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán	96/2020/TT-BTC	16/11/2020	Bộ Tài chính
10	Các Quy chế công bố thông tin hiện hành trên Sở giao dịch chứng khoán TPHCM, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội			SGDCK

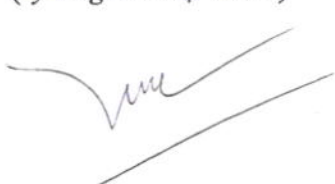
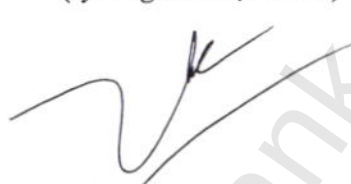
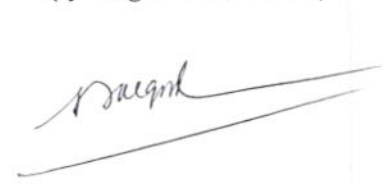
Văn bản nội bộ liên quan:

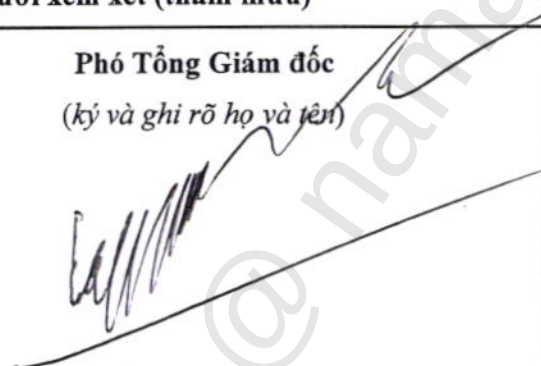
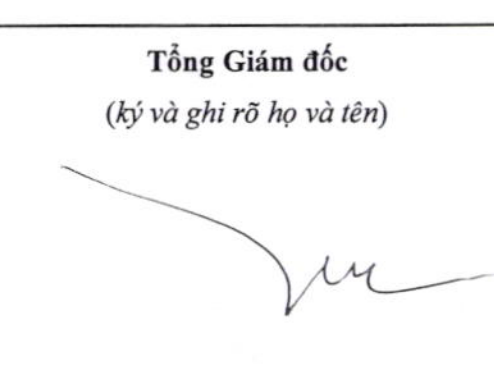
STT	Tên văn bản	Số văn bản	Ngày ban hành	Loại liên kết	Văn bản căn cứ
01	Quy chế công bố thông tin tại Ngân hàng TMCP Nam Á	42/2018/QĐQT-NHNA	02/02/2018	Thay thế	



PHẦN KIỂM SOÁT

1. Mô tả				
Ban hành	Số hiệu	Mô tả sự thay đổi	Người biên soạn	Người thẩm định thể thức, nội dung
01 (02/02/2018)	42/2018/QĐQT-NHNA	Ban hành lần đầu	Lữ Thị Hồng Trang	Phan Lê Đài Gương
02 (20/10/2021)	569./2021/QĐQT-NHNA	Cập nhật theo quy định pháp luật mới.	Trần Nguyễn Lê Thy	Phan Lê Đài Gương

2. Người biên soạn		
Cán bộ nhân viên biên soạn (ký và ghi rõ họ và tên)	Phó Đơn vị biên soạn (ký và ghi rõ họ và tên)	Trưởng Đơn vị biên soạn (ký và ghi rõ họ và tên)
 Trần Nguyễn Lê Vy	 Từ Vinh Thành	 Phan Lê Đài Gương

3. Người xem xét (tham mưu)	
Phó Tổng Giám đốc (ký và ghi rõ họ và tên)	Tổng Giám đốc (ký và ghi rõ họ và tên)
 Lê Quang Quảng	 Trần Ngọc Tâm

4. Lĩnh vực cấp 1	Lĩnh vực khác
Lĩnh vực cấp 2	Lĩnh vực khác